| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NHO QUAN**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hanh phúc** |
| Số: 83 /2024/QĐST- HNGĐ | *Nho Quan, ngày 18 tháng 6 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2024 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn X, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình

*Bị đơn:* Anh Đinh Văn C sinh năm: 1990

Địa chỉ: thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị T và anh ĐinhVăn C

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*a.Về quan hệ hôn nhân:*Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C thuận tình ly hôn.

*b.Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C có 01 con chung là cháu Đinh Diệu N sinh ngày 06/4/2020. Hiện nay đang ở anh C. Khi ly hôn anh C

được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Diệu N sinh ngày 06/4/2020 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con*: chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5 triệu đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở và có quyền yêu cầu xin thay đổi việc nuôi con chung.

*c. Về tài sản chung, công nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*d.Về án phí ly hôn:* Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/23/0001284 ngày 06/6/2024.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải thanh toán khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND. H. NQ;*
- *Chi cục THA H. NQ;*
- *UBND xã( phường);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu án văn./.*

**THẨM PHÁN**

***Lâm Thị Thanh Nhàn***